

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
T2 PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/01/2021

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, T2 PHỐ HÀ NỘI**

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đặng Thị Nhác**

Bà Phạm Thị T2

- Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Hồng Hà** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, T2 phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, T2 phố Hà Nội tham gia phiên toà: **Bà Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, T2 phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 536/2020/TLST- HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXX ngày 23/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ- HPT ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị D**, sinh năm 1963

HKTT và cư trú: Tổ C phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội. (*Có mặt*)

Bị đơn: **Ông Phạm Văn M**, sinh năm 1961

HKTT: Tổ C phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Cư trú: Số A tổ B phường P, quận Long Biên, TP. Hà Nội (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn là bà Phạm Thị D trình bày:**

Bà kết hôn với ông Phạm Văn M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1983 tại UBND xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Đây là lần kết hôn thứ nhất của hai ông bà. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do ông M ham mê bài bạc, không chịu làm ăn, dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn,

căng thẳng. Bản thân bà và các con đã nhiều lần khuyên nhủ ông M thay đổi, tu chí làm ăn nhưng ông M vẫn chứng nào tật nấy. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn vào năm 2014, khiến bà và ông M sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm. Tuy nhiên, lúc túng thiếu do chơi bời ông M vẫn hành hạ mắng chửi vợ con, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của bà và các con. Nay bà D xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn M.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984; Phạm Văn T2, sinh năm 1986; Phạm Thị Bích T3, sinh năm 1988. Các con đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn ông Phạm Văn M mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt và có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:**

Ông và bà Phạm Thị D kết hôn với nhau vào năm 1983, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thỉnh thoảng có mâu thuẫn, tranh cãi, tuy nhiên ông cho rằng mâu thuẫn này không trầm trọng. Năm 2015, ông biết bà D đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó vợ chồng hòa giải được nên bà D đã rút đơn về, vợ chồng tiếp tục chung sống cho đến tháng 02/2020 ông chuyển về sinh sống tại tổ A phường P, quận Long Biên, T2 phố Hà Nội. Bà D vẫn ở tổ 13 phường Phúc Lợi. Nay bà D tiếp tục có yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì ông cho rằng hai ông bà đã nhiều tuổi, không còn tình cảm nữa thì cứ sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không cần thiết phải ly hôn. Vì lý do bận công việc, không thể đến Tòa án theo giấy triệu tập được ông đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt ông.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984; Phạm Văn T2, sinh năm 1986; Phạm Thị Bích T3, sinh năm 1988. Các con đều trưởng thành, đủ sức khỏe để lao động.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như quan điểm trong các buổi làm việc tại Tòa án, bà đề nghị được ly hôn với ông Phạm Văn M. Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984; Phạm Văn T2, sinh năm 1986; Phạm Thị Bích T3, sinh năm 1988. Chị T, anh T2, chị T3 đều trưởng thành, đủ sức khỏe để lao động nên bà không

yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về nội D : Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D . Bà Phạm Thị D được ly hôn ông Phạm Văn M .

- Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984; Phạm Văn T2, sinh năm 1986; Phạm Thị Bích T3 , sinh năm 1988

Chị T, anh T2, chị T3 đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Ông bà không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị D phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị D thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Phạm Thị D xin ly hôn với ông Phạm Văn M , ông M hiện cư trú tại tổ 1 phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội. Tòa

án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội D :

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phạm Thị D và ông Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/1983 tại UBND xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ việc ông M lười lao động, ham mê cờ bạc khiến kinh tế gia đình sa sút trầm trọng. Ông M sống không có trách nhiệm với vợ con, khi nợ nần túng thiếu thì quay ra hành hạ mắng chửi vợ con, khiến cuộc sống không có hạnh phúc, căng thẳng triền miên. Năm 2015, bà D đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó vì thương các con và cũng hy vọng ông M vì thế mà thay đổi lối sống, tu chí làm ăn nên bà đã rút đơn về, vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, ông M không có sự thay đổi tích cực nào và kể từ tháng 02/2020 ông M chuyển về sinh sống tại tổ 1 phường Phúc Lợi. Ông bà chấm dứt mọi quan hệ, sống ly thân, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Bản thân 03 con chung của ông bà cũng trình bày trong cuộc sống hàng ngày họ luôn chứng kiến cảnh bố mẹ bất đồng quan điểm, cãi nhau. Ông M thường xuyên không ở nhà, không quan tâm chăm lo cho gia đình mà thường chơi bời, nợ nần, khi về đến nhà thì ép bà D phải trả nợ cho ông. Nếu bà D không trả nợ thì ông chửi mắng, dằn vò về tinh thần. Hiện nay, ông bà mỗi người ở một nơi, không có sự liên hệ nào với nhau.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông M đã kéo dài nhiều năm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn chung sống cùng nhau đã lâu. Việc ông M không đồng ý ly hôn không phải vì vợ chồng còn yêu thương nhau, không nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về con chung: Ông bà có 03 con chung là: Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984; Phạm Văn T2, sinh năm 1986; Phạm Thị Bích T3 , sinh năm 1988

Chị T, anh T2, chị T3 đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Bà D , ông M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4 Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 19, Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị D đối với ông Phạm Văn M. Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Phạm Văn M.

2. **Về con chung:** Ông M, bà D có 03 con chung là: Phạm Thị Lệ T, sinh năm 1984; Phạm Văn T2, sinh năm 1986; Phạm Thị Bích T3, sinh năm 1988. Cả 3 con chung đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không giải quyết.

3. **Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung:** Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về án phí:** Bà Phạm Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà D đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0017085 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, nay chuyển T2 án phí.

5. **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm.

Bà D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND xã Yên Mạc, huyện Yên Mô, Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Loan

